

Số: 135/PGDDĐT

V/v: báo cáo đối tượng miễn giảm học
phí, hỗ trợ ăn trưa năm 2020.

Đống Đa, ngày 5 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Đồng chí hiệu trưởng các trường trực thuộc quận Đống Đa

- Thực hiện Nghị quyết số 06/2019/NQ- HĐND ngày 5/7/2018 của HĐND Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội; Công văn số 2044/SGDDĐT-KHTC ngày 9/6/2020 về việc triển khai chế độ học bổng, hỗ trợ cho học sinh trong lĩnh vực giáo dục đào tạo học kỳ 2 năm học 2019-2020).

- Thực hiện Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2020-2021;

- Thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ quy định thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; NĐ số 145/2018/NĐ/CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP;

- Thực hiện Thông tư liên tịch số 09/2016 TTLT- BGD&ĐT – BTC - BLĐTBXH ngày 30/3/2016; Hướng dẫn thực hiện một số điều của NĐ86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ;

- Để tổng hợp đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ; NĐ06/2018/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với GV mầm non; Thông tư 29/2010/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 15/11/2010 của UBND thành phố; Thông tư 09/2013 TTLT-BGD&ĐT-BTC-BNV về chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục mầm non; Hướng dẫn số 10948/HD-LN về thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn;

Yêu cầu các nhà trường thực hiện nghiêm túc xét và tổng hợp, báo cáo đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho các đối tượng trong diện miễn giảm theo đúng qui định và kịp thời (theo biểu đính kèm) gửi về phòng Giáo dục Đào tạo chậm nhất ngày 12/10/2020. Trường nào không gửi danh sách đề nghị là những trường không có học sinh trong diện trên. Đồng chí hiệu

trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về việc tổ chức triển khai văn bản, tiến hành rà soát, tổng hợp báo cáo đề nghị đúng thời hạn quy định, để đảm bảo quyền lợi cho học sinh.

Đề nghị thực hiện theo quy định. *fn*

Nơi nhận :

- Như k/g (để thực hiện);
- Lưu VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Tạ Ngọc Thắng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ EM
MẦM NON 3, 4 VÀ 5 TUỔI HK2- NĂM HỌC 2019-2020, HK1 NĂM HỌC 2020-2021
(Áp dụng cho tất cả các trường công lập)**

Đơn vị: 1.000 đồng

[illegible]

Ghi chú: Hỗ trợ 149.000đ/tháng/HS

Người lập

Ngày tháng năm 20
Thủ trưởng đơn vị

BÁO CÁO KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM 2020

(Áp dụng cho cả các trường công lập)

CẤP HỌC MẦM NON

TT	Chỉ tiêu	Trường					Tổng	
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
I	Đối tượng miễn học phí	0	0	0	0	0	0	0
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; Con của Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến; con của Liệt sỹ, TB, BB...						0	0
2	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế						0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước						0	0
4	Các đối tượng còn lại được miễn theo quy định						0	0
II	Đối tượng giảm học phí	0	0	0	0	0	0	0
1	Đối tượng giảm 50% học phí						0	0
	Hộ cận nghèo						0	0
	Các đối tượng khác						0	0
2	Đối tượng giảm 70% học phí						0	0
III	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa						0	0
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo						0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ						0	0
4	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông ở 13 xã miền núi và 2 xã giữa sông (Các đối tượng không thuộc 3 đối tượng trên)						0	0
C	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
I	Đối tượng miễn học phí	0	0	0	0	0	0	0
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; Con của Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến; con của Liệt sỹ, TB, BB...							

TT	Chỉ tiêu	Trường					Tổng	
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
2	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế							
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước							
4	Các đối tượng còn lại được miễn theo quy định							
II	Đối tượng giảm học phí	0	0	0	0	0	0	0
1	Đối tượng giảm 50% học phí							
	Hộ cận nghèo							
	Các đối tượng khác							
2	Đối tượng giảm 70% học phí							
III	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa							
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo							
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ							

Người lập

Hiệu trưởng

BÁO CÁO KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM 2020

(Áp dụng cho tất cả các trường công lập)

CẤP TIỂU HỌC

TT	Chi tiêu	Trường.....						Tổng					
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
A	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa											0	0
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo												0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ												0
4	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông ở 13 xã miền núi và 2 xã giữa sông (Các đối tượng không thuộc 3 đối tượng trên)											0	0
B	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa												0
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo												
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ												

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

UBND Quận, huyện:.....

Phòng GD&ĐT:.....

Biểu số 07

**BÁO CÁO KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM
HỌC 2020 KHỐI THCS,**

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Chi tiêu	Trường THCS		Trường THCS				Tổng	
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
A	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020	0	0	0	0	0	0	0	0
I	Đối tượng miễn học phí	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; Con của Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến; con của Liệt sỹ, TB, BB...							0	0
2	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế							0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước							0	0
4	Các đối tượng còn lại được miễn theo quy định							0	0
II	Đối tượng giảm học phí	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đối tượng giảm 50% học phí							0	0
	Hộ cận nghèo							0	0
	Các đối tượng khác							0	0
2	Đối tượng giảm 70% học phí							0	0
III	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa							0	0
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo							0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ							0	0
4	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông ở 13 xã miền núi và 2 xã giữa sông (Các đối tượng không thuộc 3 đối tượng trên)							0	0
B	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đối tượng miễn học phí	0	0	0	0	0	0	0	0

T	Chi tiêu	Trường THCS		Trường THCS				Tổng	
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; Con của Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến; con của Liệt sỹ, TB, BB...							0	0
2	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế							0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước								0
4	Các đối tượng còn lại được miễn theo quy định							0	0
II Đối tượng giảm học phí		0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đối tượng giảm 50% học phí							0	0
	Hộ cận nghèo							0	0
	Các đối tượng khác							0	0
2	Đối tượng giảm 70% học phí							0	0
III Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập		0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa							0	0
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo							0	0
3	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ							0	0
								0	0

Người lập

Thủ trưởng đơn vị